TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15-6-2023
V/v "Tranh chấp
Ly hôn và con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Vân

**Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Thân Văn Nhàn
2. Ông Lương Thanh Văn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

- Đại diện VKSND huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2023 về "Tranh chấp ly hôn và con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/5/2023 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** *Chị Vi Thị L, sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Nơi ĐKHKTT: Khu 11, xã Đông Thành, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Tạm trú: 46/22 đường Trần Ngọc Lên, tổ 3, khu phố 3, phường Định Hòa, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh B Dương.

**** Bị đơn:*** *Anh Tạ Danh B, sinh năm 1980 (vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Khả Lý Thượng, xã Quảng Minh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn xin ly hôn ngày 27/3/2023, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Vi Thị L trình bày:*

Chị và anh Tạ Danh B kết hôn ngày 13/9/2002, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Minh, huyện Việt Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn Khả Lý Thượng, xã Quảng Minh. Ban đầu vợ chồng chung sống B thường. Từ khoảng năm 2003, sinh con thứ nhất hai vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, sau đó hai vợ chồng vào miền nam sinh sống làm ăn từ năm 2005, chị ở miền nam từ đó cho đến nay còn anh B đã

về xã Quảng Minh, huyện Việt Yên sinh sống từ năm 2022, khi sinh sống làm ăn trong miền nam thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên, đỉnh điểm mâu thuẫn của vợ chồng là từ khi chị chửa con thứ hai, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau, không còn tình cảm, anh B có quan hệ với người phụ nữ khác, sau đó anh B có quay về với chị một thời gian nhưng vợ chồng vẫn không cải thiện gì, anh B vẫn chứng nào tật đấy, không quan tâm gì đến vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng gia đình hai bên đều biết và khuyên giải nhưng anh B vẫn không cải thiện. Từ năm 2006 vợ chồng ly thân nhau cho đến nay, không ai còn quan tâm chăm sóc tới ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh B.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Tạ Hà My, sinh ngày 05/3/2003 và Tạ Minh Tiến, sinh ngày 27/11/2006. Hiện 02 con chung cháu My, cháu Tiến đang ở với chị do chị nuôi dưỡng. Ly hôn cháu My đã trưởng thành chị không yêu cầu giải quyết. Ly hôn chị nhận nuôi dưỡng con chung là cháu Tiến, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung cho chị, từ khi sinh cháu Tiến đến giờ anh B không quan tâm chăm sóc gì. Hiện chị đang làm công nhân ở B Dương, có thu nhập trung B một tháng khoảng 6.000.000 đồng, chị có chỗ ăn ở đảm bảo điều kiện về thời gian, kinh tế, nơi ăn ở cho cháu Tiến học hành phát triển B thường.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, chị Vi Thị L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Đối với anh Tạ Danh B là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các giấy tờ nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc của Tòa án anh B đều vắng mặt không có lý do và Tòa án đã thông báo cho anh B về việc các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án, quyết định yêu cầu cung cấp bản tự khai trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị L và cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án nếu có yêu cầu nhưng anh B không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa hôm nay anh Tạ Danh B vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị L chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn anh B không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vi Thị L được ly hôn với anh Tạ Danh B.

Về con chung: Giao cho chị Vi Thị L nuôi dưỡng con chung là Tạ Minh Tiến, sinh ngày 27/11/2006. Vấn đề cấp dưỡng chị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vi Thị L phải chịu 300.000 đồng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án Tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị L và anh B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh B có nơi cư trú: Thôn Khả Lý Thượng, xã Quảng Minh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân huyện Việt Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Vi Thị L vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Tạ Danh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L, anh B.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung của nguyên đơn chị Vi Thị L. Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị L và anh B xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn năm 2002 tại UBND xã Quảng Minh, huyện Việt Yên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, chị L và anh B có một thời gian ngắn chung sống hạnh phúc thì năm 2003 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau, không còn tình cảm. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của chị L xác định mâu thuẫn của hai vợ chồng gia đình hai bên đều biết và can thiệp hòa giải nhưng anh B vẫn không cải thiện. Từ năm 2006 cho đến nay vợ chồng ly thân nhau, không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Đối với anh B Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh B, thông báo hòa giải anh B cũng không đến để Tòa án hòa giải về tình cảm vợ chồng.

Tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương và gia đình anh B cũng xác định vợ chồng chị L, anh B có xảy ra mâu thuẫn nên anh B đã về quê ở, chị L và con không về ở cùng anh B. Xét mâu thuẫn giữa chị L, anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có 02 con chung là Tạ Hà My, sinh ngày 05/3/2003 và Tạ Minh Tiến, sinh ngày 27/11/2006. Hiện 02 con chung cháu My, cháu Tiến đang ở với chị do chị nuôi dưỡng. Hiện cháu My đã trưởng thành chị không yêu cầu giải quyết. Ly hôn chị nhận nuôi dưỡng con chung là cháu Tiến, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung cho chị, từ khi sinh cháu Tiến đến giờ anh B không quan tâm chăm sóc gì. Hiện chị đang làm công nhân ở B Dương, có thu nhập trung B một tháng khoảng 6.000.000 đồng, chị có chỗ ăn ở đảm bảo điều kiện về thời gian, kinh tế, nơi ăn ở cho cháu Tiến học hành phát triển B thường.

Tại bản tự khai của cháu Tiến có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Xét thấy chị L có thu nhập, từ nhỏ cho đến nay cháu Tiến do chị L nuôi dưỡng được học hành phát triển B thường, chị L đủ điều kiện chăm sóc và nuôi con chung, cháu Tiến có nguyện vọng ở với mẹ. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho chị L nuôi dưỡng con chung là cháu Tiến là phù hợp với Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Tiến. Sau khi ly hôn, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vi Thị L được ly hôn anh Tạ Danh B.

2. Về con chung: Giao cho chị Vi Thị L nuôi dưỡng con chung là Tạ Minh Tiến, sinh ngày 27/11/2006. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, anh Tạ Danh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh B thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Án phí: Chị Vi Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0006886 ngày 03/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Xác nhận chị Vi Thị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS Việt Yên;
- UBND xã Quảng Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân